

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 353/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Ông Trần Công Đ năm 1939. Địa chỉ: B T chung cư P, đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1951. Địa chỉ: B T chung cư P, đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 07 tháng 01 năm 1974 do Ủy ban hành chính khu HThành phố H cấp thì ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đ1 bà T1 01 con chung Trần Công A ngày 07/02/1975, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ

không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T2

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đ1 bà T1 01 con chung là Trần Công A ngày 07/02/1975, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đ1 bà T3 không có.

- Về nợ chung: Ông Đ1 bà T3 không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Trần Công Đ1 bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080759 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
(Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 43, ngày 07 tháng 01 năm 1974);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu